

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 1

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Số gồm 1 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 đơn vị là:

- A. 14 600 006                      B. 146 600                      C. 1 406 060                      D. 1 460 006

**Phương pháp**

Viết số lần lượt từ hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

**Lời giải**

Số gồm 1 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 đơn vị là: 1 460 006

**Chọn D**

**Câu 2.** Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được:

- A. 125 000 000                      B. 125 700 000                      C. 125 800 000                      D. 125 600 000

**Phương pháp**

Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5.

Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

**Lời giải**

Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được số 125 700 000 (vì chữ số hàng chục nghìn là 3 < 5, làm tròn xuống)

**Chọn B**

**Câu 3.** Năm 2000 là năm Canh Thìn. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ nào?



- A. XIX                      B. XVIII                      C. XXI                      D. XX

**Phương pháp**

Từ năm 1901 đến năm 2000 thuộc thế kỉ XX.

**Lời giải**

Năm 2000 thuộc thế kỉ XX.

**Chọn D**

**Câu 4.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm 15 tấn 6 tạ = ..... kg.

A. 156

B. 1 560

C. 15 600

D. 15 060

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi: 1 tấn = 1 000 kg ; 1 tạ = 100 kg

**Lời giải**

15 tấn 6 tạ = 15 000 kg + 600 kg = 15 600 kg

**Chọn C**

**Câu 5.** Lớp 4A quyên góp được 33 quyển vở. Lớp 4B quyên góp được 38 quyển vở. Lớp 4C quyên góp được nhiều hơn lớp 4B 8 quyển vở. Hỏi trung bình mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

A. 35 quyển

B. 37 quyển

C. 38 quyển

D. 39 quyển

**Phương pháp**

- Tìm số vở quyên góp được của lớp 4C

- Tìm số vở trung bình mỗi lớp quyên góp = tổng số vở quyên góp được của 3 lớp : 3

**Lời giải**

Lớp 4C quyên góp được số quyển vở là:  $38 + 8 = 46$  (quyển vở)

Trung bình mỗi lớp quyên góp được số quyển vở là:  $(33 + 38 + 46) : 3 = 39$  (quyển)

**Chọn D**

**Câu 6.** Có hai xe tải chở 7 tấn cà phê về kho. Xe tải thứ nhất chở nhiều hơn xe tải thứ hai 6 tạ cà phê. Vậy số cà phê xe tải thứ nhất chở là:

A. 3 tấn 80 kg

B. 3 tấn 2 tạ

C. 4 tấn 3 yến

D. 3 tấn 8 tạ

**Phương pháp**

- Đổi 7 tấn sang đơn vị tạ

- Số tạ cà phê xe tải thứ nhất chở = (tổng + hiệu) : 2

**Lời giải**

Đổi: 7 tấn = 70 tạ

Số tạ cà phê xe tải thứ nhất chở là:  $(70 + 6) : 2 = 38$  (tạ)

Đổi: 38 tạ = 3 tấn 8 tạ

**Chọn D****II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

756 183 + 215 278

439 200 – 215 308

3 085 x 63

51 450 : 35

**Phương pháp**

- Đặt tính

- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện từ phải sang trái

- Với phép chia: Chia từ trái sang phải

**Lời giải**

$$\begin{array}{r} 756183 \\ + 215278 \\ \hline 971461 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 439200 \\ - 215308 \\ \hline 223892 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 3085 \\ \quad 63 \\ \quad \hline 9255 \\ 18510 \\ \hline 194355 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51450 \overline{) 35} \\ 164 \overline{) 1470} \\ 245 \\ \hline 000 \end{array}$$

**Câu 2.** Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $214 \times 53 - 214 \times 43$

b)  $25 \times 9101 \times 4$

**Phương pháp**

a) Áp dụng công thức:  $a \times b - a \times c = a \times (b - c)$

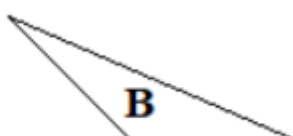
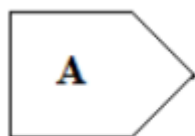
b) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân để nhóm các số có tích là số tròn trăm với nhau.

**Lời giải**

a)  $214 \times 53 - 214 \times 43 = 214 \times (53 - 43)$   
 $= 214 \times 10 = 2140$

b)  $25 \times 9101 \times 4 = (25 \times 4) \times 9101$   
 $= 100 \times 9101 = 910100$

**Câu 3.** Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.



Hình A có ..... góc vuông, ..... góc tù.

Hình B có ..... góc nhọn.

**Phương pháp**

- Sử dụng ê ke để kiểm tra các góc vuông
- Góc tù lớn hơn góc vuông

**Lời giải**

Hình A có **3** góc vuông, **2** góc tù.

Hình B có **2** góc nhọn.

**Câu 4.** Linh được mẹ cho 80 000 để mua đồ dùng học tập. Sau khi mua một quyển vở và một hộp bút thì Linh còn lại 16 000 đồng. Quyển vở có giá rẻ hơn hộp bút 38 000 đồng. Hỏi quyển vở có giá bao nhiêu tiền, hộp bút có giá bao nhiêu tiền?

**Phương pháp**

- Tìm số tiền Linh đã mua vở và hộp bút
- Số tiền mua hộp bút = (tổng + hiệu) : 2
- Số tiền mua vở = số tiền Linh đã mua vở và hộp bút – số tiền mua hộp bút

**Lời giải**

Số tiền Linh mua vở và hộp bút là:

$$80\ 000 - 16\ 000 = 64\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của hộp bút là:

$$(64\ 000 + 38\ 000) : 2 = 51\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của quyển vở là:

$$51\ 000 - 38\ 000 = 13\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: Hộp bút: 51 000 đồng

Quyển vở: 13 000 đồng

**Câu 5.** Những cây măng rừng sau khi hái về sẽ được chế biến thành măng khô. Cứ 180 kg măng tươi sẽ cho ra thành phẩm là 1 yến măng khô. Hỏi để thu được 26 kg măng khô cần chuẩn bị bao nhiêu ki-lô-gam măng tươi?

**Phương pháp**

- Đổi: 1 yến = 10 kg
- Tìm số kg măng tươi để sản xuất được 1 kg măng khô
- Tìm số kg măng tươi để sản xuất 26 kg măng khô

**Lời giải**

Đổi: 1 yến = 10 kg

Để sản xuất được 1 kg măng khô cần số ki-lô-gam măng tươi là:

$$180 : 10 = 18 \text{ (kg)}$$

Để thu được 26 kg măng khô cần chuẩn bị số ki-lô-gam măng tươi là:

$$18 \times 26 = 468 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 468 kg măng tươi